

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án
đối với một số dự án áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình
mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 02/TTr-SXD ngày 09 tháng 01 năm 2023; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 264/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với một số dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Các công trình, dự án đầu tư xây dựng thuộc Đề án hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn - miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chi phí hỗ trợ

1. Chi phí hỗ trợ được xác định bằng định mức tỷ lệ (%) tại Bảng 1 nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (*chưa có thuế Giá trị gia tăng*).

Bảng 1

TT	Chi phí hỗ trợ	Định mức tỷ lệ (%)
1	Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản	1,9
2	Lệ phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản	0,019
3	Quản lý dự án	2
4	Giám sát thi công	1,8
5	Lựa chọn nhà thầu	0,2

2. Đối với dự án tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ thì chi phí hỗ trợ quản lý dự án xác định bằng định mức ban hành tại Bảng 1 Quyết định này nhân với hệ số điều chỉnh 1,35; chi phí hỗ trợ giám sát thi công xác định bằng định mức ban hành tại Bảng 1 Quyết định này nhân với hệ số điều chỉnh 1,2.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng ban Ban

Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PVP, các Phòng Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin32}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

